| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 338/2024/QĐST-HNGĐ | *Quận 3, ngày 15 tháng 11 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 392/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1990; cư trú: Đường A, khu dân cư T, phường P, Quận M, TP. H.
2. Ông Vũ Thanh T, sinh năm 1984; cư trú: đường T, Phường K, Quận C, Thành phố H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hương G và ông Vũ Thanh T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2014, quyển số 01/2014 ngày 15/4/2014 của Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 12/6/2024 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07/11/2024, bà G và ông T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; về con chung: Ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Vũ Nguyễn Đức M, sinh ngày 12/4/2015, hàng tháng bà G có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 5.000.000 đồng, bắt đầu thi hành từ tháng 12/2024.

[3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ việc này.

[4] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà G và ông T thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục và cấp dưỡng cho con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Nguyễn Thị Hương G và ông Vũ Thanh T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2014, quyển số 01/2014 ngày 15/4/2014 của Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Vũ Thanh T là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Vũ Nguyễn Đức M, sinh ngày 12/4/2015; hàng tháng bà Nguyễn Thị Hương G có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 5.000.000 (Năm triệu) đồng, bắt đầu thi hành từ tháng 12/2024

Bà Nguyễn Thị Hương G có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

**2.** Về lệ phí Tòa án: Bà G và ông T phải chịu lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai số 0040658 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND Quận 3;
- UBND Phường 14, Quận 3, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Trần Đăng Tân**